TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2022
V/v Ly hôn giữa bà R và ông Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà B T T R, sinh ngày 01-01-1973
CCCD số 089173021498 cấp ngày 03-7-2022
Nơi cư trú: Khu dân cư ấp H H, Tổ 30, ấp H H, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang.
Có mặt tại phiên tòa

2.Bị đơn: Ông N V Đ, sinh năm 1975
CMND số 351241914 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 17-12-2012
Số định danh cá nhân 089075011013
Nơi cư trú: Khu dân cư ấp H H, Tổ 30, ấp H H, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn và Bản tự khai ngày 29-9-2022; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà B T T R trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông N V Đ kết hôn năm 1995, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang số 465 ngày 31-12-2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình cha mẹ vợ. Năm 2010, vợ chồng lên tỉnh B D làm công nhân và sinh sống ở đó. Đến năm 2019 vợ chồng cất nhà ra riêng tại khu dân cư ấp H H, Tổ 30, ấp H H, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang; theo diện Nhà nước cấp nền cho ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, ông Đ sinh ăn chơi, nhậu nhẹt thường xuyên, ham mê cờ bạc; ông Đ thường hay kiếm chuyện mắng chửi, nhục mạ bà vô cớ, thậm chí còn đánh đập, dùng dao rượt đuổi chém bà nhiều lần; mang tính bạo lực gia đình. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Đ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn với ông N V Đ.

+Về con chung: Có 02 con chung tên N T H N, sinh ngày 02-5-1997 và N T Q D, sinh ngày 26-02-2003. Hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 31-10-2022; Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông N V Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà R về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn.

+Về hôn nhân: Ông và bà B T T R kết hôn năm 1995, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang số 465 ngày 31-12-2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình cha mẹ vợ. Năm 2010, vợ chồng lên tỉnh Bình Dương làm công nhân và sinh sống ở đó. Đến năm 2019 vợ chồng cất nhà ra riêng tại khu dân cư ấp H H, Tổ 30, ấp H H, xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang; theo diện Nhà nước cấp nền cho ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, ông có nhậu nhẹt thường xuyên, ông có quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, ông có chơi số đề nhưng không thường xuyên; do mâu thuẫn về tiền bạc ông mắng chửi bà R, ông có dùng dao dọa chém bà R 02 lần; ông không đánh đập bà R. Ông xác định có lỗi với vợ, vợ chồng bất hòa khoảng 2 – 3 tháng nay, gia đình không hạnh phúc. Hiện tại ông sống ở nhà, bà R sống ở Bình Dương. Nay bà R xin ly hôn, ông nhận thấy còn tình cảm với bà R, nên không đồng ý ly hôn với bà B T T R.

+Về con chung: Có 02 con chung tên N T H N, sinh ngày 02-5-1997 và N T Q D, sinh ngày 26-02-2003. Hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Bà B T T R và ông N V Đ kết hôn năm 1995, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang số 465 ngày 31-12-2001 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân

và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà R có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà R và ông Đ; ông Đ không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Quá trình chung sống giữa bà R và ông Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền bạc do ông Đ nhậu nhẹt thường xuyên, ông Đ có quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, ông Đ có chơi số đề, hay mắng chửi bà R, ông Đ có dùng dao dọa chém bà R 02 lần; ông Đ xác định có lỗi với vợ, vợ chồng bất hòa khoảng 2 – 3 tháng nay, gia đình không hạnh phúc. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà R và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà R được ly hôn với ông Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung:* Bà R và ông Đ có 02 con chung, hiện đã trưởng thành. Bà R và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung:* Cả bà R và ông Đ đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung:* Cả bà R và ông Đ đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, nguyên đơn bà R phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003799 ngày 10-10-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà R, bị đơn ông Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-12-2022).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân:* Bà B T T R được ly hôn với ông N V Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 465 ngày 31-12-2001 của UBND xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về án phí:* Nguyên đơn bà B T T R phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003799 ngày 10-10-2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[3] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà B T T R, bị đơn ông N V Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-12-2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đông Hoà

Nơi nhận:
-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
-Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn UBND xã H B T, huyện C T, tỉnh An Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.